

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST

Ngày: 15-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1987, tại tỉnh Quảng Ngãi; HKTT: Ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Minh T, sinh năm 1964 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Bị cáo có 01 tiền án theo Bản án số 16/2017/HSST ngày 14/6/2017 của TAND thị xã X, tỉnh Bình Phước, tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 16/10/2019, chưa được xóa án tích); nhân thân: Ngày 14/3/2006 bị TAND huyện X, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 50/2006/HSST ngày 14/3/2006 (đã xóa án tích), ngày 18/7/2007 bị TAND huyện X tỉnh Bình Phước tuyên phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 81/2007/HSST ngày 18/7/2007 (đã xóa án tích) và ngày 23/10/2008 bị TAND huyện L, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 88/2008/HSST ngày 23/10/2008 (đã xóa án tích); tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp phạm tội quả tang từ ngày

06/12/2019, chuyển sang tạm giam từ ngày 13/12/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1971; HKTT: Ấp H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Võ Thị H, sinh năm 1993; HKTT: Ấp H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn T
2. Ông Nguyễn Văn B
3. Ông Nguyễn Đức T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Nguyễn Hoàng A là người không có nghề nghiệp và đã có tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chưa được xóa án tích).

Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 06/12/2019, A nhận được điện thoại từ số thuê bao 0374917509 của bạn tên T (không rõ nhân thân lai lịch, là bạn ngoài xã hội của A), rủ đi trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, A đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô Wave màu xanh, không rõ biển số đến nhà trọ của A tại ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước để chờ A đi tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, T và A đi đến trước nhà số 303 ấp H, xã M, huyện P, do bà Lê Thị T, sinh năm 1971 làm chủ. Phát hiện nhà bà T không có cổng rào và không có người ở nhà nên A đứng bên ngoài để canh giới và nổ máy xe chờ sẵn còn T cầm 01 cái mỏ lết bỏ trong túi quần đi vào nhà bà T. T dùng mỏ lết bẻ gãy khóa cửa chính đi vào nhà, lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu: đen-vàng, biển số: 61H1-064.41, số khung: C640BY548452, số máy: 5C64548458 (trên xe có cắm chìa khóa), đẩy ra ngoài rồi khởi động để tẩu thoát nhưng xe không hoạt động. Cùng lúc này, bà T đi làm về phát hiện T đang trộm cắp xe mô tô của mình nên truy hô. Biết bị phát hiện, T vứt xe mô tô biển số 61H1-064.41 bỏ chạy đến chỗ A chờ sẵn để tẩu thoát. Tuy nhiên, khi A và T vừa bỏ chạy thì bị bà T cầm chổi đuổi theo sau truy hô thì ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (là tổ trưởng khai thác nông trường cao su), ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976, cùng địa chỉ ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương và ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1987 (là công nhân khai thác mủ thuộc nông trường cao su), địa chỉ ấp H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương đang làm việc nghe thấy nên đuổi theo truy bắt A và T. Khi bị ông T, B, T chặn đường phía trước, A điều khiển xe mô tô Wave quay xe chạy ngược lại chỗ bà T thì bị trượt ngã bên lề đường. Lúc này, bà T chạy đến ngăn A và T trốn thoát thì bị A cầm cây cao su nhặt bên lề đường đánh vào tay bà T (xây xát ngoài da), rồi A bỏ

chạy bộ thì bị ông T, ông T bắt giữ giao cho Công an xã M, huyện P xử lý theo quy định. Còn T điều khiển xe mô tô Wave trốn thoát.

Sau khi tiếp nhận vụ việc, Công an xã M, huyện P tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với hành vi trộm cắp tài sản của A, thu giữ vật chứng gồm:

- Một cành cây cao su, dài 120 cm, tày 2 đầu, đường kính 03cm.
- Một điện thoại hiệu Nokia, ký hiệu model: TA-1010 màu xanh.
- Một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu: đen-vàng, biển số: 61H1-064.41, số khung: C640BY548452, số máy: 5C64548458.

Qua làm việc, A đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 09/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu: đen-vàng, biển số: 61H1-064.41, số khung: C640BY548452, số máy: 5C64548458 có trị giá là: 12.000.000 đồng.

Đối với đối tượng tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng số thuê bao 0374.917.509 rủ A cùng trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh tại địa chỉ xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (theo A khai báo là nhà của T), qua làm việc với bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1988 (con dâu bà P) đang cư trú và sinh sống tại đây cho biết không có đối tượng T có sử dụng số thuê bao 0374917509 như xác minh. Tuy nhiên, bà P và bà N khai báo trước đây, Trần Thế L, sinh năm 1990 (là con bà P và chồng bà N), cư trú cùng địa chỉ; L từng sử dụng số thuê bao 0374.917.509 để liên lạc. N hiện tại, L không có ở nhà, việc L có sử dụng số thuê bao 0374.917.509 nữa hay không và L đi đâu làm gì thì bà P và bà N không biết. Ngày 20/02/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P có Công văn số 103/CV-ĐTTH về việc xác minh chủ thuê bao 0374.917.509 tại Ban bảo vệ an ninh – Phòng Pháp chế Tổng Công ty Viettel, nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P sẽ làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ tiếp tục xử lý sau.

Đối với xe mô tô Wave do T và A sử dụng làm phương tiện thực hiện tội phạm. Do bị cáo A không biết chủng loại, biển số xe, số khung, số máy nên không có căn cứ xác minh chủ sở hữu của xe mô tô để điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ giải quyết sau.

Quá trình điều tra xác định được, xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu: đen-vàng, biển số: 61H1-064.41, số khung: C640BY548452, số máy: 5C64548458 là của chị Võ Thị H, sinh năm 1993, địa chỉ ấp H, xã M, huyện P đứng tên chủ sở hữu. Năm 2016, chị H đã tặng xe mô tô trên cho bà T, nhưng không làm thủ tục chuyển đổi chủ sở hữu theo quy định. Xét thấy đây là

tài sản hợp pháp của bà T nên ngày 15/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng đã giao trả xe mô tô trên cho bà T.

Quá trình điều tra xác định điện thoại hiệu Nokia ký hiệu model: TA-1010 màu xanh là của bị cáo A và bị cáo đã dùng điện thoại này để liên lạc với đối tượng T về việc trộm cắp tài sản nên là phương tiện thực hiện tội phạm.

Đối với một cành cây cao su dài 120 cm, tày 2 đầu, đường kính 03 cm, đây là công cụ mà bị cáo A dùng để đánh bà T nhằm tẩu thoát nên là công cụ thực hiện tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì khác về chiếc xe nêu trên.

Đối với hành vi dùng cành cây cao su dài 120 cm, tày 2 đầu, đường kính 03 cm đánh gây thương tích cho bà T. Quá trình điều tra xác định thương tích của bà T chỉ bị xây xước nhẹ ngoài da, đồng thời bà T có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, bà T khai nhận ngoài việc mất trộm chiếc xe mô tô trên, bà T còn bị mất trộm 01 bộ vòng Ximen ống nhuỷ bằng vàng 61%, cân nặng: 3,8 chỉ; 01 lắc mắt xích bằng vàng 61 %, cân nặng 3,279 chỉ; 01 lắc mắt xích bằng vàng 18 kara, cân nặng 1,145 chỉ; 01 vòng chạm khắc bằng vàng 18 kara, cân nặng 01 chỉ; 01 vòng kim cương có khóa vàng 61%, cân nặng 1,315 chỉ; 01 nhẫn hình lá dừa bằng vàng 18 kara, cân nặng 0,54 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng 18 kara, cân nặng 0,5 chỉ; 01 nhẫn vàng trơn bằng vàng 18 kara, cân nặng 0,5 chỉ nên bà T yêu cầu bị cáo A phải bồi thường giá trị thiệt hại đối với số vàng đã mất. Quá trình điều tra, ngoài lời khai của bà T, không có cơ sở xác định bà T mất số vàng trên, nên chưa đủ căn cứ xác định bị cáo A là người lấy số vàng trên. Mặt khác, chưa làm việc được với đối tượng T để làm rõ số vàng mà bà T khai bị mất trộm vào ngày 06/12/2019, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại Bản Cáo trạng số 19/CT-VKSDT-HS ngày 26/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo A như Bản Cáo trạng số 19/CT-VKSDT-HS ngày 26/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và đề nghị:

- *Về hình phạt:* Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng A từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo A chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại T. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng*:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cành cây cao su, dài 120 cm, tày 2 đầu, đường kính 03cm.

+ Tịch thu xung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia, ký hiệu model: TA-1010 màu xanh.

Tại phiên tòa, bị cáo A không tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát về nội dung Bản Cáo trạng, Luận tội, tội danh, mức hình phạt; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo A có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, bị hại T yêu cầu Tòa án xét xử bị cáo A theo quy định của pháp luật; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi nên không yêu cầu bị cáo A phải bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án. Toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo A thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 06/12/2019, tại ấp H, xã M, huyện P, bị cáo A cùng đối tượng tên T có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu: đen-vàng, biển số: 61H1-064.41, số khung: C640BY548452, số máy: 5C64548458 của bà T, trong quá trình bị truy đuổi bị cáo A đã dùng cành cây cao su đánh vào tay bà T nhằm mục đích tẩu thoát. Lời khai nhận của bị cáo A tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Trị giá tài sản bị cáo A đã có hành vi chiếm đoạt là 12.000.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 09/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P. Do đó, Bản Cáo trạng số 19/CTr-VKSDT-HS ngày 26/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố đối với bị cáo A về

tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi lén lút vào nhà của người dân lấy trộm tài sản của bị cáo A đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị A là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, có đủ nhận thức để biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có được tài sản mà không cần bỏ sức lao động nên cố ý lấy trộm tài sản của người khác. Trong quá trình bị truy đuổi, bị cáo A đã dùng cành cây cao su, dài 120 cm, tày 2 đầu, đường kính 03 cm đánh vào tay bà T nhưng không gây thương tích nhằm mục đích tẩu thoát nên thuộc trường hợp hành hung để tẩu thoát theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm quyền sở hữu trên địa bàn huyện P nói riêng và cả nước nói chung nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt tù để bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo A như: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A có 01 tiền án về tội phạm chiếm đoạt tài sản, có nhân thân xấu với nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, lẽ ra khi chấp hành xong hình phạt nêu trên bị cáo đã rút ra được bài học cho bản thân, nhận thức được hậu quả từ hành vi trái pháp luật gây ra cũng như sự nghiêm minh của pháp luật Nhà nước ta. Ngược lại, bị cáo A mới chấp hành xong hình phạt trở về địa phương lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản có trị giá là 12.000.000 đồng là thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo A là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định.

[8] Ý kiến của bị hại T tại phiên tòa là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chỉ H có ý kiến về nguồn gốc xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] *Về trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo A chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại T. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng*:

- Đối với một cành cây cao su, dài 120 cm, tày 2 đầu, đường kính 03cm, bị cáo A đã dùng cây này để đánh bà T nhằm tẩu thoát nên là công cụ thực hiện tội phạm nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với một điện thoại hiệu Nokia, ký hiệu model: TA-1010 màu xanh là của bị cáo An. Bị cáo A đã dùng điện thoại này để liên lạc với đối tượng T về việc trộm cắp tài sản nên là phương tiện thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Bị cáo A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng A 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2019.

2. Trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo A chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại T. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia màu xanh, số IMEI: 353423090547354, ký hiệu model: TA-1010.

3.2. Tịch thu tiêu hủy 01 cành cây cao su, dài 120 cm, tày 2 đầu, đường kính 03cm.

(Toàn bộ vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2020).

4. Ấn phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng A phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 15/5/2020).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Phạm Minh Đồng